TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày:14-3- 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BL

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Nhân

- Bà Kim Thị Sà Mết

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh BL tham gia phiên tòa:Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N (tên gọi khác Út)**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp XN, xã HT, huyện VL, tỉnh BL.

- Đồng bị đơn: Bà **Tiêu Thị H**, sinh năm 1955 và ông **Trần Dũng T**, sinh năm 1955 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp XN, xã HT, huyện VL, tỉnh BL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Trong năm 2018, bà H vay tiền của bà làm nhiêu

lần, cụ thể: Vào ngày 10/10/2018, bà H có đến trực tiếp nhà N bà nhận số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày. Khoảng 10 ngày sau bà H có đến đóng lãi với số tiền 500.000 đồng; đến ngày 14/10/2018, bà H có đến nhà bà nhận số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận tiền vay theo ngày, mỗi ngày thanh toán lãi 0,5%. Đến 10 ngày sau bà H đến đóng lãi cho bà với số tiền 750.000 đồng. Vì tin tưởng nên cả hai lần vay tiền, bà với bà H không làm biên nhận hay giấy tờ gì cả, chỉ thỏa thuận miệng.

Sau đó, đến 26/05/2019 bà với vợ chồng bà H, ông T thống nhất gộp hai khoản nợ trên vào trong các phần nợ mà trước đây vợ chồng bà H, ông T còn nợ tổng cộng 72.479.000 đồng. Vào năm 2020, bà có kiện vợ chồng bà H, ông C số tiền gốc 35.949.000 đồng (có trong số tiền 72.479.000 đồng) và đã được Tòa án nhân dân huyện VL thụ lý giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật. Hiện số tiền gốc 35.949.000 đồng đang được Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện VL thụ lý thi Hnh theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền gốc 25.000.000 đồng nêu trên, vào năm 2020 bà không kiện, vì bà định tách số tiền này ra để kiện bà Tiêu Thị V, bà Tiêu Thị L. Do lúc hỏi mượn tiền, bà V, bà L là người hỏi mượn dùm bà H. Nay bà tìm hiểu, bà không kiện bà V, bà L mà bà phải kiện bà H, vì bà H là người trực tiếp nhận tiền vay của bà.

Vào ngày 26/5/2019, sau khi hai bên chốt số nợ 72.479.000 đồng mà bà H, ông T nợ bà thì bà H, ông T đã góp được cho bà số tiền 19.050.000 đồng, đến nay không góp nữa. Nay bà N kiện yêu cầu ông T, bà H thanh toán số tiền vay 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm từ ngày bà H nhận tiền đến khi thanh toán hết nợ. Tuy nhiên, đến ngày 15 tháng 02 năm 2022, bà N có đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu số tiền gốc 7.520.000 đồng, chỉ yêu cầu ông T, bà H thanh toán số tiền gốc 17.480.000 đồng và yêu cầu lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm đối với số tiền gốc 17.480.000 đồng kể từ ngày 26/05/2019 đến khi ông T, bà H trả xong nợ cho bà.

Đồng bị đơn ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 02 năm 2022: Vợ chồng ông bà có hỏi vay tiền của bà N làm nhiều lần với thời gian dài. Sau đó, đến ngày 26 tháng 5 năm 2019, vợ chồng ông bà với bà N chốt lại vợ chồng ông bà thiếu bà N số tiền 72.479.000 đồng, biên nhận này do ông T tự ghi, hai bên

thỏa thuận góp cho bà N mỗi ngày 100.000 đồng góp đủ đến 81.000.000 đồng nghỉ góp. Sau khi thỏa thuận, vợ chồng ông bà đã góp được cho bà N số tiền 19.050.000 đồng, mỗi lần góp tiền cho bà N, vợ chồng ông bà có tự lập sổ theo dõi. Trong số tiền 72.479.000 đồng mà hai bên gộp lại biên nhận ngày 26 tháng 5 năm 2019 đã có bao gồm tiền lãi, nhưng vợ chồng ông bà không biết bao nhiêu tiền lãi và cũng không có gì chứng minh việc này. Đến 31 tháng 12 năm 2020, bà N có khởi kiện vợ chồng ông bà tại Tòa án nhân dân huyện VL, hai bên thống nhất, vợ chồng ông bà có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền gốc 35.949.000 đồng và được công nhận bằng Quyết định có hiệu lực pháp luật, vụ án trên đang được thi Hnh án tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện VL. Nay vợ chồng ông bà không đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu bà N, vì nếu vợ chồng ông bà còn thiếu bà N số tiền 17.480.000 đồng tại sao bà N không yêu cầu vợ chồng ông bà trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện VL giải quyết vào năm 2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh BL trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông T, bà H; buộc ông T, bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền 17.480.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 20%/năm từ ngày 26/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất chậm thanh toán đến khi trả xong nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do bà N có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền gốc 7.520.000 đồng

Về án phí dân sự có giá ngạch, ông T, bà H phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, ông T và bà H thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, do đó, ông T, bà H được miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 14 tháng 10 năm 2021, bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với đồng bị đơn ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H. Khi khởi kiện ôngTrần Dũng T, bà Tiêu Thị H cư trú tại ấp XN, xã HT, huyện VL, tỉnh BL. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện VL thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đồng bị đơn ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử T Hnh xét xử vắng mặt ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nvề việc yêu cầu ôngTrần Dũng T, bà Tiêu Thị H cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền vay gốc còn thiếu là 17.480.000 đồng.

[2.1].Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2022 của Tòa án đối với ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H; căn cứ lời khai bà Nguyễn Thị N trong quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, có cơ sở xác định giữa bà N với ông T, bà H có giao dịch vay tài sản với nhau.

[2.2]. Căn cứ biên nhận nợ ngày 26 tháng 5 năm 2019, vợ chồng ông T, bà H còn thiếu bà N số tiền 72.479.000 đồng, hai bên thỏa thuận vợ chồng bà H góp cho bà N mỗi ngày 100.000 đồng. Ông T thừa nhận ông là người trực tiếp ghi biên nhận nợ này; hai bên thỏa thuận góp đến khi nào đủ số tiền 81.000.000 đồng nghỉ góp. Sau khi thỏa thuận, vợ chồng bà H đã góp cho bà N được số tiền 19.050.000 đồng. Năm 2020, bà N có kiện vợ chồng bà H, hai bên thống nhất còn nợ bà N số tiền 35.949.000 đồng, được Tòa án nhân dân huyện VL giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận số 02/2021/QĐST-DS ngày 08/01/2021. Đối chiếu biên nhận nợ ngày 26 tháng 5 năm 2019, ông T, bà H thừa nhận còn số tiền chênh lệch 17.480.000 đồng. Tuy nhiên, ông T và bà H không đồng ý trả nợ theo yêu cầu bà N, lý do vì sao năm 2020, bà N không kiện ông bà số tiền chênh lệch này. Theo như bà N xác định, năm 2020, bà không kiện ông T và bà H số tiền 17.480.000 đồng là do bà định sau này bà kiện bà V, bà, vì bà V bà L hỏi tiền dùm cho bà H. Tuy nhiên, sau đó bà N tìm hiểu pháp luật, bà không kiện bà Vân, bà Lan mà bà kiện bà H, ông T, lý do bà H, ông T trực tiếp nhận tiền của bà. Điều này cũng được bà N thể hiện tại đơn khởi kiện năm 2020, khi bà N kiện ông T và bà H.

Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định bà H, ông T còn nợ bà N số tiền 17.480.000 đồng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông T, bà H, buộc ông T, bà H

thanh toán số tiền gốc 17.480.000 đồng. Không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà H và ông T.

[3]. Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2021 bà N kiện ông T và bà H số tiền vay gốc 25.000.000 đồng. Đến ngày 15 tháng 02 năm 2020, bà N có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền gốc 7.520.000 đồng. Lý do rút đơn, bà N xác định bà không đủ chứng cứ chứng minh việc bà cho ông T, bà H vay số tiền 25.000.000 đồng. Bà chỉ kiện ông T, bà H số tiền vay gốc là 17.480.000 đồng trên cơ sở thừa nhận của ông T, bà H. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T, bà H là tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Từ đó chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông T, bà H, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông T, bà H về số tiền 7.520.000 đồng.

[3]. Xét yêu cầu tính lãi của bà N đối với số tiền 17.480.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 26/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi chậm trả giai đoạn thi Hnh án đến khi thanh toán đủ nợ.

[3.1]. Bà N yêu cầu tính lãi đối với số tiền mà vợ chồng ông T, bà H còn nợ 17.480.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) từ ngày 26/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/3/2022). Phía ông T, bà H không đồng ý trả nợ nên không đồng ý thanh toán lãi theo yêu cầu của bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T, bà H chậm thanh toán tiền cho bà N đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N. Từ đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu lãi suất của bà N đối với ông T, bà H về số tiền vay còn thiếu. Do hai bên khi giao dịch vay tiền có thỏa thuận và thống nhất lãi suất trong quá trình vay nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Tiền lãi được tính đến ngày xét xử sơ thẩm và được tính như sau: 17.480.000 đồng x 1,66%/tháng x 33 tháng 16 ngày = 9.730.296 đồng. Ngoài ra, ông T, bà H còn phải chịu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi Hnh án đối với số tiền mà ông T, bà H chưa thanh toán cho bà N.

[4]. Từ các căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông T, bà H. Buộc ông T, bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà

N tổng số tiền 27.210.216 đồng, trong đó tiền gốc 17.480.000 đồng và tiền lãi 9.730.296 đồng.

[5]. Về án phí:

Ông T, bà H phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, ông T, bà H thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông T, bà H được miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Bà N không phải chịu án phí, bà N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.024.000 đồng theo Biên lai thu số 0000676 ngày 25/10/2021 tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện VL.

[6].Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, điểm d khoản 1 Điều 12 , khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N(Út) đối với ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

2. Buộc ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nsố tiền 27.210.216 đồng (*hai mươi bảy triệu hai trăm mười nghìn hai trăm mười sáu đồng*), trong đó tiền gốc 17.480.000 đồng (*mười bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) và tiền lãi 9.730.296 đồng (*chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn hai trăm chính mươi sáu đồng*).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh cho đến khi thi Hnh xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N(Út) đối với ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H về số tiền lãi 7.520.000 đồng *(bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà bà Nguyễn Thị N(Út) đối với ông Trần Dũng T, bà Tiêu Thị H về số tiền lãi 7.520.000 đồng *(bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)*.

5.Án phí dân sự có giá ngạch:

Ông T, bà H phải chịu toàn bộ án phí. Tuy nhiên, ông T, bà H thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông T, bà H được miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Bà N không phải chịu án phí, bà N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.024.000 đồng (*một triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000676 ngày 25/10/2021 tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện VL.

6.Trường hợp Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện VL;
- THADS huyện VL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi